TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 74/2020/DS - PT
Ngày: 21/10/2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, lối đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trần Thị Nhài.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2020/TLPT- DS ngày 16/4/2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất và lối đi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS - ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyệnPhú Lương tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/QĐPT-DS ngày 02 tháng 6năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn H, sinh năm 1947 (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Mạc Văn T, sinh năm 1962 (có mặt);

Đều trú tại: Xóm NB, xã PL, huyện PL1, Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lưu Thị K, sinh năm 1963 (có mặt);

Trú tại: Xóm NB, xã PL, huyện PL1, Thái Nguyên.

4. Người làm chứng:

Ông Lã Văn Đ-Công chức địa chính-xây dựng xã Phủ Lý (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn ông Lưu Văn H trình bày:Ông có thửa đất rừng tại thửa số 42 tờ bản đồ số 18 diện tích 753m^2 khai hoang canh tác từ năm 1973. Năm 2013, ông được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015 ông Mạc Văn T đã đến thửa đất của ông phát dọn một số cây gỗ tạp và trồng keo lên đó, ông đã nhắc nhở nhưng ông T vẫn tiếp tục lấn chiếm đất của ông, phần đất ông T lấn chiếm là một phần của thửa đất số 42 tờ bản đồ 18 diện tích khoảng 290,25m^2. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Mạc Văn T phải thu hoạch cây keo trên đất và trả lại cho ông toàn bộ phần đất đã lấn chiếm. Tại vị trí đường đi liền thửa với thửa đất số 42 của ông, ông T đã đào hào và trồng 07 cây keo rào chắn lối đi vào phần đất nhà ông, đây là đường đi lại hàng ngày của ông từ diện tích đất bên trong ra bên ngoài, làm cản trở rất nhiều cho việc đi lại . Ông yêu cầu ông Mạc Văn T phải chặt 07 cây keo, dỡ rào chắn trả lại lối đi cho ông .Yêu cầu ông Tphải bồi thường thời gian xảy ra tranh chấp vì ông phải nghỉ việc để đi kiện. Ông đã phải làm 31 lá đơn gửi các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương nay yêu cầu ông T phải trả cho ông mỗi láđơn là một ngày công lao động tương đương 100.000 đồng/1 ngày, 31 lá đơn = 3.100.000đ (ba triệu, một trăm nghìn đồng) và yêu cầu ông T phải bồi thường tổn hại về danh dự do ông theo quy định của pháp luật

Bị đơn ông Mạc Văn T trình bày: Năm 1985, ông được nhà nước giao đất, giao rừng tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 18 diện tích 2.256m^2, quá trình sử dụng đất, gia đình ông không có tranh chấp với ai. Năm 2004, Nhà nước đo đạc lại đã cắt phía bên dưới đường đi thành hai thửa, một là thửa gần mương thoát nước, hai là thửa dưới chân bãi của ông. Năm 2008, gia đình ông khai thác một số cây gỗ tạp để trồng keo, sau đó đến năm 2014 ông khai thác số keo này không thấy ai cóý kiến gì. Năm 2015 khi chuẩn bị trồng keo vụ mới thìông H có nói là đất của ông H rồi làm đơn ra UBND xã Phủ Lý, huyện Phú Lương. Lý do vì sao thửa đất của ông lại mang tên ông H thìông cũng không rõ nhưng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp này là của gia đình ông.

Về phần lối đi: Phần đất lối đi này cũng nằm trong mảnh đất gia đình ông, năm 2015 ông cho cháu của mình là Mạc Văn B, trú tại xóm NB, xã PL, huyện PL1 làm đường qua bãi chè chiều dài khoảng hơn 10m tiếp giáp với khu đất nhà ông H. Khi ông trồng keo xuống thì ông H nói đây là đường đi chung, nhưng thực tế đây chỉ là đường dân sinh mở để đi lại, chăn thả gia súc và nằm trong thửa đất của ông.

Đối với yêu cầu về tranh chấp sử dụng đất và yêu cầu mở lối đi của ông H, ông không nhất trí vì không có căn cứ.

Đối với các yêu cầu về bồi thường thiệt hại về tài sản, ngày công nghỉ việc theo kiện, bồi thường tổn hại về danh dự, bồi thường về số tiền vận đơn gửi các cơ quan, ông không nhất trí vì không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị K (vợ ông T) nhất trí với lời khai và quan điểm của ông T.

Ủy ban nhân dân xã Phủ Lý, huyện Phú Lương có quan điểm: Năm 2013, thực hiện việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã PL, trong đó có hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lưu Văn H xóm NB, xã PL, huyện PL1. Việc thiết lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công khai, khách quan và đúng quy trình theo quy định của pháp luật.

Về lối đi: Qua xác minh hiện trạng, đường đi không thể hiện trên bất kỳ hệ thống bản đồ nào từ trước tới nay mà chỉ là đường dân sinh phục vụ nhu cầu cho một số hộ dân đi lại, chăn thả gia súc. Mặt khác vị trí, diện tích của đường đi này nằm hoàn toàn trong thửa số 42 tờ bản đồ số 18 mang tên chủ sử dụng là ông Lưu Văn H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 04/01/2018 Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp tại thửa 42 tờ bản đồ 18 là 290,25m^2có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp đất của ông H (thửa số 45); Phía Tây thuộc thửa 42 của ông H; Phía Nam giáp thửa 94 của ông H; Phía Bắc giáp đường giao thông. Diện tích đất tranh chấp lối đi là: 25,4m.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 22/3/2018 xác định:

-Diện tích đất tranh chấp 290,25m^2 x 8.000đ/m^2 = 2.322.000đ.

- Diện tích lối đi 25,4m^2 x 8.000đ/m^2 = 203.200đ.

* Giá trị tài sản trên đất:

- 01 cây gỗ tạp 43cm x 150.000đ; 22 cây keo đường kính từ 09 - 10 cm x 35.000đ = 770.000đ;20 cây keo có đường kính từ 04 - 05cm x 14.500đ = 490.000đ; 07 cây keo có đường kính từ 01-02 cm x 7.500đ = 52.500đ;

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 3.787.000đ (ba triệu, bẩy trăm tám mươi bẩy nghìn đồng).

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 08/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyếtđịnh: Căn cứ: Các Điều 5; 26; 35; 39; 46; 146; 147; 156; 157; 158; 164; 165; 166; 171; 210; 211; 225; 227; 236; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584; 589; 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4; khoản 2 Điều 5; Điều 97; 99; 100; 105; 135; khoản 5 Điều 166; Điều 202 và 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Mạc Văn T và bà Lưu Thị K phải thu hoạch toàn bộ số cây keo đã trồng trên phần đấtđã lấn chiếm và trả lại diện tích 290,25m^2 tại thửa đất số 42 tờ bản đồ số18 bản đồ địa chính xãPL cho ông Lưu Văn H.

- Buộc ông Mạc Văn T và bà Lưu Thị K dỡ bỏ hàng rào chắn và thu hoạch số cây keo tại phần đất lối đi và trả lại diện tích 25,4m^2 nằm trong thửa đất số 42 tờ bản đồ số 18 cho ông Lưu Văn H.

2. Không chấp nhận các yêu cầu về: Bồi thường thiệt hại do nghỉ việc để đi khởi kiện; Bồi thường do danh dự uy tín bị tổn hại; Bồi thường 31 (ba mươi mốt) lá đơn tương ứng với 31 ngày công lao động phổ thông của ôngLưu Văn H.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận của ông H. Ông Mạc Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2020 và ngày 13/3/2020 ông Lưu Văn H cóđơn kháng cáo không nhất trí một phần bảnán sơ thẩm về việc buộc ông T bà K thu hoạch toàn bộ số cây trồng trên đấtđã lấn chiếm mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao số cây keo trên phần đất tranh chấp cho UBND xã Phủ Lý hoặc nhân dân xóm NB thu hoạch bán lấy tiềnđưa vào công quỹ.

Ngày 10/3/2020 ông Mạc Văn T có đơn kháng cáo không nhất trí trả lại đất và lốiđi cho ông Lưu Văn H vì ông cho rằng đất này có nguồn gốc là cha mẹ ông để lại, ông trực tiếp quản lý canh tác từ năm 1982. Đề nghị Tòa án tỉnh xét xử bác toàn bộ yêu cầu của ông H.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành thẩm định lại. Kết quả thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên như sau: Về tài sản trên đất tranh chấp gồm:01 cây gỗ tạp 43cm; 19 cây keo có đường kính từ 09 - 10 cm; 14 cây keo có đường kính từ 04 - 05 cm; 05 cây keo có đường kính từ 01 - 02 cm (nằm trong phần tranh chấp lối đi); Về vị trí, diện tích đất tranh chấp: Theo bản trích đo hiện trạng thì diện tích đất tranh chấp là đất trồng cây: 232,1m^2, trong đó diện tích nằm trong thửa 42 tờ bản đồ số 18 là 196,1m^2, nằm vào đường 11,2m^2, nằm vào thửa 45 là 24,8m^2. Tổng diện tích đất các đương sự tranh chấp là 196,1m^2 vị trí theo sơ đồ gồm các điểm BEFRSHLMNCB; Về diện tích tranh chấp lối đi là 25,2m^2 vị trí theo sơ đồ ABCDA nằm trong thửa 42. Các đương sự đều nhất trí lấy số liệu diện tích đo đạc do cấp phúc thẩm để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lưu Văn H và ông Mạc Văn T vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụán và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến củađại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND xã Phủ Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng, cần xác định lại ông Lã Văn Đ - công chức địa chính, xây dựng xã Phú Lý là người làm chứng.

[2] Xét kháng cáo của ông Mạc Văn T thấy rằng: Diện tích 196,1m^{2}mà ông cho rằng có nguồn gốc của cha mẹ để lại cho ông sử dụng từ năm 1982, được nhà nước giao đất, giao rừng thuộc tiểu khu 293 khoảnh 4 lô 92 (15b) vào năm 1999, năm 2004 nhà nước đo đạc lại đã tách thành hai thửa, một là thửa gần mương thoát nước, hai là thửa dưới chân bãi của ông. Năm 2008, gia đình ông khai thác một số cây gỗ tạp để trồng keo , năm 2014 ông khai thác keo , năm 2015 khi chuẩn bị trồng keo vụ mới thì ông H cho rằng đất của ông H nên xảy ra tranh chấp; còn ông Lưu Văn H cho rằng diện tích 196,1m^{2}có nguồn gốc do ông khai phá từ năm 1973, quá trình sử dụng không ai tranh chấp hay có ý kiến gì, năm 2013 ông được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lưu Văn H thửa đất số 42 tờ bản đồ số 18 tổng diện tích 753m^2;

[3] Qua đo đạc thực tế cũng như bản đồ địa chính , sổ thống kê diện tích đất và tài liệu về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 48 có nguồn gốc là do ông H khai phá,sử dụng từ năm 1986; năm 2013 ông H có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 42, tờ bản đồ 18, diện tích 753m^2, địa chỉ thửa đất tại xóm DC, xã PL, huyện PL1; trình tự thủ tục do UBND xã Phủ Lý thực hiện để trình hồ sơ xin cấp đất cho các hộ gia đình, trong đó có hộ ông H đã được thực hiện đúngtheo quy định của pháp luậ t, cụ thể: Ông H có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã Phủ Lý đã tiến hành lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa xóm NB trong thời hạn 15 ngày. Trong thời hạn niêm yết công khai hồ sơ , UBND xã không nhận được bất cứ nội dung khiếu nại , tố cáo hay thắc mắc của hộ gia đình, cá nhân khác liên quan đến thửa đất số 42 tờ bản đồ 18 do ông Lưu Văn H xin cấp quyền sử dụng đ ất. Gia đình ông Mạc Văn T (bị đơn) là người cùng cư

trú trong một xóm với ông H thời điểmđó cũng được UBND xã Phủ Lý làm thủ tục cấp nhiều thửa đất, biết việc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được niêm yết công khai, thửa đất số 42 tờ bản đồ 18 ông H xin cấp có vị trí giáp ranh với những thửa đất của gia đình ông T, bản thân ông T không có ý kiến gì. Ông T cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do cha mẹ để lại , được nhà nước giao đất giao rừng cho ông thuộc tiểu khu 293 khoảnh 4 lô 92 (15b) vào năm 1999, đối chiếu với bản đồ địa chính đo đạc năm 2004 được UBND xã Phú Lý cung cấp là thửa 13, tờ bản đồ địa chính số 18 diện tích 45.625m^2 đã được ông T kê khai cấp đổi vào năm 2013. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, ông T không đưa ra được bất cứ tài liệu , chứng cứ nào chứng minh diện tích đất đang tranh chấp với ông H là của ông do cha mẹ để lại, cũng như không có chứng cứ nào khẳng định việc cấp giấy chứng nhận thửa 42 tờ bản đồ số 18 có sự nhầm lẫn, không minh bạch trong quá trình cấp đất. Ông T và bà K đều thừa nhận diện tích đang có tranh chấp ông bà chưa kê khai và cũng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà.

[4] Như vậy, tổng hợp các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cũng như quá trình thu thập tài liệu của Tòa án đã có đủ căn cứ khẳng định diện tích 196,1m^{2}đất mà hai bên đang tranh chấp là của ông Lưu Văn H, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông Mạc Văn T và bà Lưu Thị K phải thu hoạch toàn bộ số cây keo đã trồng trên phần đất tranh chấp và trả lại diện tích đất tại thửa đất số 42 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính xã PL cho ông Lưu Văn H là có căn cứ.

[5] Về diện tích đất là lối đi 25,2m^2: Tại biên bản xác minh thực địa ngày 04/4/2019, biên bản làm việc ngày 04/9/2019của UBND xã Phủ Lý và biên bản thẩm định tại chỗ ngày 03/9/2020 thể hiện phần lối đi tranh chấp có diện tích là 25,2m^2, hiện trạng có lối đi, tuy nhiên không được thể hiện trong bất kỳ loại bản đồ nào của xã PL mà có vị trí nằm hoàn toàn trong thửa đất số 42 tờ bản đồ số 18 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lưu Văn H. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông Mạc Văn T và bà Lưu Thị K dỡ bỏ hàng rào chắn và thu hoạch số cây keo tại phần đất lối đi và trả lại diện tích 25,2m^2 nằm trong thửa đất số 42 tờ bản đồ số 18 của ông Lưu Văn H là có căn cứ. Ông Mạc Văn T kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình, do vậy không chấp nhận kháng cáo củaông Mạc Văn T.

[6] Xét kháng cáo củaông Lưu Văn H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao số cây keo trên phần đất tranh chấp cho UBND xã Phủ Lý hoặc nhân

dân xóm NB , xã PL thu hoạch bán lấy tiềnđưa vào công quỹ, là không có căn cứ vì số cây keo trên diện tích đất trên do ông Mạc Văn T trồng, cấp sơ thẩm buộcông T bà K thu hoạch toàn bộ số cây keo trên diện tích đất tranh chấp và diện tích đất lối đi thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ 18 là phù hợp đúng quy định của pháp luật, do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Văn H.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụán đến trước khi nghị án đã thực hiệnđúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Văn H và kháng cáo của ông Mạc Văn T, tuy nhiên sửa bản án sơ thẩm về vị trí, diện tích cho đúng với kết quả thẩm định, đo đạc tại cấp phúc thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148, 156; 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 245, Điều 254 của Bộ luật dân sự; Điều 135, 166, 170 và Điều 203 Luật đấtđai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Văn H và ông Mạc Văn T . Sửa một phần bản dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên về vị trí và diện tích đất tranh chấp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn H về đòi quyền sử dụng đất và lối iđi đối với ông Mạc Văn T và bà Lưu Thị K.

- Buộc ông Mạc Văn T và bà Lưu Thị K phải thu hoạch toàn bộ số cây keo đã trồng trên phần đất đã lấn chiếm và trả lại diện tích 196,1m^2tại vị trí các điểm BEFRSHLMNCB của thửa đất số 42 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính xã PL cho ông Lưu Văn H.

- Buộc ông Mạc Văn T và bà Lưu Thị K dỡ bỏ hàng rào chắn và thu hoạch số cây keo tại phần đất lối đi và trả lại diện tích 25,2m^2 tại vị trí các điểm ABCDA nằm trong thửa đất số42 tờ bản đồ số 18 của ông Lưu Văn H.

(Theo bản trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp kèm theo bản án).

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện về: Bồi thường thiệt hại do nghỉ việc để đi khởi kiện; Bồi thường do danh dự uy tín bị tổn hại; Bồi thường 31 (ba mươi mốt) lá đơn tương ứng với 31 ngày công lao động phổ thông của ông Lưu Văn H.

3. Về chi phí đo đất, thẩm định tại chỗ: Ông Mạc Văn T phải chịu chi phí đo đất, xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Xác nhận ông T đã nộp đủ và đã được quyết toán xong.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lưu Văn H do hộ nghèo.

Ông Mạc Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004060 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Phủ Lý, Phú Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhài